

Số: 10 /QĐ-HCTĐ

Cà Mau, ngày 20 tháng 5 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách quý 1 năm 2025  
của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH CÀ MAU**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;*

*Căn cứ Quyết định 2503/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc phân bổ dự toán nguồn kinh phí mua sắm, sửa chữa tập trung của tỉnh năm 2025;*

*Xét đề nghị của kế toán Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cà Mau.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách quý 1 năm 2025 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cà Mau theo các biểu đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng và viên chức phụ trách website tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu KT, VT

**CHỦ TỊCH**  
  
**Trần Quốc**

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông  
tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018  
của Bộ Tài chính

Đơn vị: **HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH CÀ MAU**  
Chương: 522



## **DỰ TOÁN THU, CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HCTĐ ngày 20/5/2025 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Cà Mau)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

| Số<br>TT | Nội dung                                    | Dự toán được giao |
|----------|---------------------------------------------|-------------------|
| 1        | 2                                           | 3                 |
| A        | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                   |
| B        | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 1.538.000.000     |
| I        | Nguồn ngân sách trong nước                  | 1.538.000.000     |
| 1        | Chi quản lý hành chính                      | 1.538.000.000     |
| 1.1      | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            | -                 |
| 1.2      | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      | 1.538.000.000     |